

THÔNG BÁO
TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY

Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy số 32-14 (TK01-2020) ngày 12/10/2020 của Công ty cổ phần công nghiệp Tung Kuang, địa chỉ: số 3, đường 2A, KCN Biên Hòa 2, phường Long Bình Tân, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Điện thoại: 02513.3836688, Fax: 02513.836552 (số biên nhận 000.00.14.H19-201028-0005 ngày 28/10/2020 của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ – Sở Xây dựng - Trung tâm hành chính công tỉnh, ngày hẹn trả: 04/11/2020) cho sản phẩm:

- **Tên sản phẩm:** THANH ĐỊNH HÌNH NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM

- **Kiểu, loại:** Hợp kim nhôm 6063, chế độ nhiệt luyện T5, mặt cắt và kích thước sản phẩm theo danh mục sản phẩm kèm theo Giấy chứng nhận số 32-14 (TK01-2020) ngày 17/9/2020 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3.



- **Nhãn hiệu:**

TungKuang

- **Nhà sản xuất:** CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG.

+ Địa chỉ trụ sở: Số 3, đường 2A, KCN Biên Hòa 2, phường Long Bình Tân, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Địa chỉ nơi sản xuất: Số 3, đường 2A, KCN Biên Hòa 2, phường Long Bình Tân, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

- Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2019/BXD ban hành theo Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019. Có giá trị từ ngày ban hành Thông báo tiếp nhận hợp quy đến ngày **16/9/2023**.

- **Phương thức chứng nhận:** Phương thức 5 (Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ) theo Giấy Chứng nhận hợp quy số 32-14 (TK01-2020) ngày cấp 17/9/2020 kèm theo Quyết định chứng nhận chất lượng sản phẩm số 2072/QĐ-KT3 ngày 17/9/2020 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3;

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của Công ty cổ phần công nghiệp Tung Kuang. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.



Công ty cổ phần công nghiệp Tung Kuang phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác./

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần công nghiệp Tung Kuang;
- TTHCC tỉnh;
- BQLCKCN (để biết);
- BGĐ SXD;
- Văn phòng sở (đăng lên trang TTĐT);
- Lưu: VT, QLCLXD.Nam



Nguyễn Minh Hoàng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số :32-14

(TK01-2020)

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG

Địa chỉ: Số 3, Đường 2A, KCN Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251-3836688

Fax: 0251-3836552

E-mail: tungkuangbh@gmail.com

CÔNG BỐ:

Sản phẩm: Thanh định hình nhôm và hợp kim nhôm

Nhãn hiệu:



Loại: Hợp kim nhôm 6063, chế độ nhiệt luyện T5, mặt cắt và kích thước sản phẩm (chi tiết trong danh mục sản phẩm kèm theo giấy chứng nhận)

Được sản xuất bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG

Địa chỉ: Số 3, Đường 2A, KCN Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

QCVN 16:2019/BXD

VÀ ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY (CR)

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5

(Thông tư số 28/2012TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Giấy chứng nhận có giá trị từ ngày 17/09/2020 đến ngày 16/09/2023

Thông tin bổ sung :

Căn cứ theo giấy chứng nhận hợp quy số: 32-14 (TK01-2020)

Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Tung Kuang cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của hợp kim nhôm định hình do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

Biên hòa, ngày 12 tháng 10 năm 2020

Đại diện Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

LIU, CHIEN-HUNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số : 32-14
(TK01-2020)

Chứng nhận sản phẩm :

THANH ĐỊNH HÌNH NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM

Nhãn hiệu :



Loại : Hợp kim nhôm 6063, chế độ nhiệt luyện T5, mặt cắt và kích thước sản phẩm (chi tiết trong danh mục sản phẩm kèm theo giấy chứng nhận)

Được sản xuất bởi :

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG

Địa chỉ: Số 3, Đường 2A, KCN Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân,
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia :

QCVN 16:2019/BXD

VÀ ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU HỢP QUY (CR)

Phương thức chứng nhận :

Phương thức 5

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Giấy chứng nhận có giá trị từ ngày 17/09/2020 đến ngày 16/09/2023

2227.27-10-2020



32-14

PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Thị Hoa



GIÁM ĐỐC

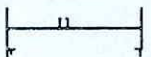
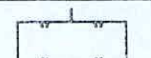
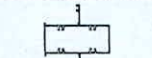
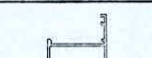
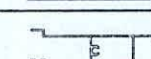
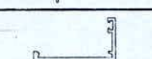
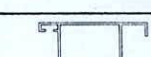
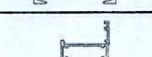
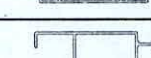
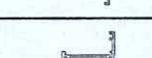
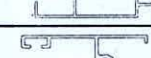
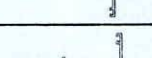
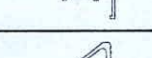
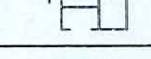
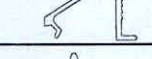
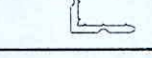
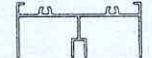
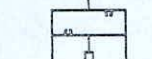
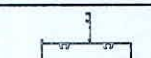
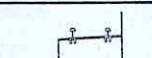
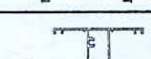
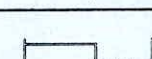
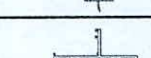
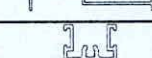
Nguyễn Thái Hùng

Ngày cấp chứng nhận: 17/09/2020

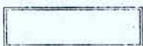
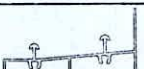
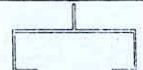
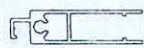
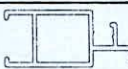
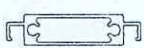
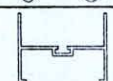
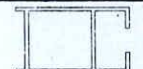
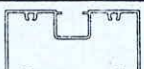
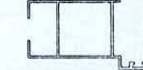
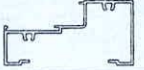
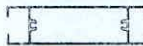
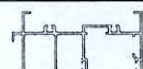
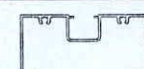
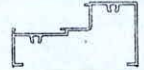
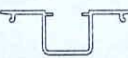
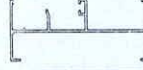
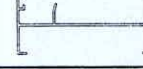
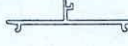
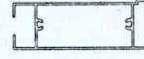
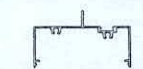
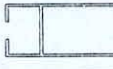
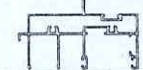
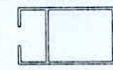
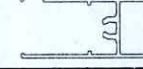
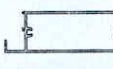
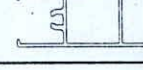
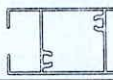
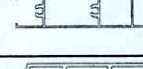
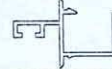
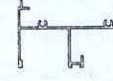
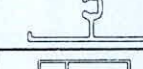
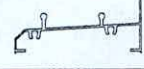
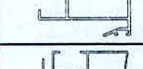
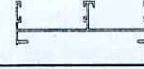
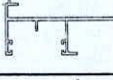
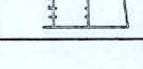
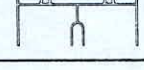
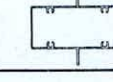
DANH MỤC SẢN PHẨM THANH ĐỊNH HÌNH NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM, NHÃN HIỆU TUNG KUANG,
ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP VỚI QUY CHUẨN QCVN 16:2019/BXD
 (Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 32-14(TK01-2020), cấp ngày 17/09/2020)

STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm
1	1001	101,6 x 70,1		23	10212	24 x 21		45	10393	36 x 60	
2	1002	101,6 x 57,2		24	10251	20 x 50		46	10394	55 x 101,5	
3	1003	101,6 x 44,5		25	10252	20 x 70		47	10395	34,5 x 75	
4	1009	101,6 x 57,2		26	10254	21,8 x 52,5		48	10397	32,4 x 22,5	
5	1010	101,6 x 44,5		27	10257	28 x 50		49	10398	28,2 x 22	
6	1011	101,6 x 101,7		28	10258	54 x 62,4		50	1081	40 x 133	
7	1051	44,5 x 44,5		29	10259	50 x 59,8		51	1082	45 x 180	
8	1052	50,8 x 44,5		30	10280	13,7 x 52,5		52	1082A	45 x 130	
9	1053	50,8 x 44,5		31	10281	16,4 x 50		53	1083	40 x 119,5	
10	1053B	50,8 x 44,5		32	10282	13,7 x 30		54	1083A	40 x 100	
11	1054	98,4 x 44,5		33	10283A	58,2 x 30		55	1084	42,65 x 106	
12	1061	76,1 x 44,5		34	10382	70 x 100		56	1084A	40 x 62	
13	10201	40 x 100		35	10383	45 x 48		57	1085	15 x 17	
14	10202	70 x 100		36	10384	50 x 100		58	1086	20,2 x 22,8	
15	10204	38 x 100		37	10384A	50 x 100		59	1087	36,8 x 42	
16	10205	38 x 100		38	10384B	50 x 100		60	1087A	40 x 50	
17	10206	100 x 96		39	10385	22,8 x 45,1		61	1088	44,8 x 20	
18	10207	100 x 64		40	10386	15,6 x 24,8		62	1089	101,8 x 16,2	
19	10208A	100 x 112		41	10386A	12,1 x 22,8		63	1090	35 x 40	
20	10209	32,4 x 22,5		42	10391	45 x 100		64	10891	40 x 108,9	
21	10210	30 x 103		43	10392	66 x 100		65	10892	60 x 108,9	
22	10211	26,7 x 38		44	10392A	100 x 100		66	10894	35 x 100	

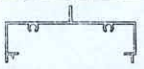
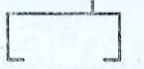
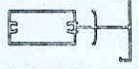
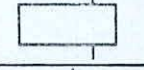
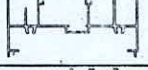
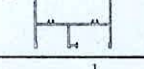
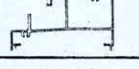
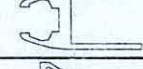
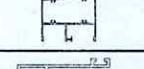
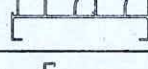
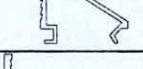
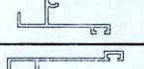
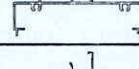
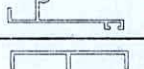
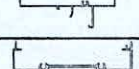
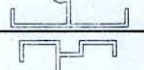
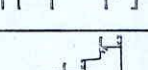
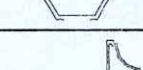
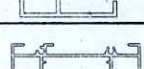
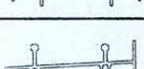
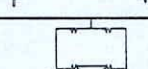
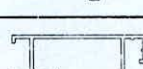
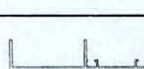
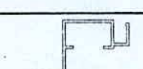
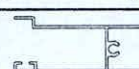
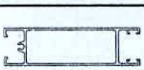
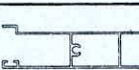
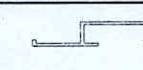
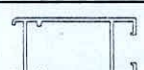
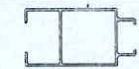
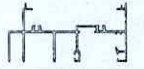
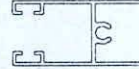
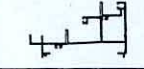
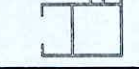
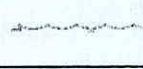
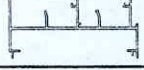
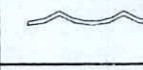
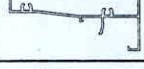
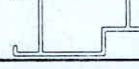
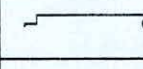
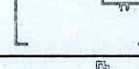
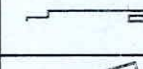
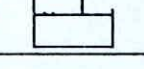
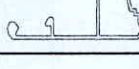
DANH MỤC SẢN PHẨM THANH ĐỊNH HÌNH NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM, NHÃN HIỆU TUNG KUANG,
ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP VỚI QUY CHUẨN QCVN 16:2019/BXD
 (Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 32-14(TK01-2020), cấp ngày 17/09/2020)

STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm
67	10895	35 x 100		89	3807	52 x 70		111	D5056	28,5 x 34,9	
68	10896	47 x 98,4		90	3808	28,5 x 69,7		112	D5057	25,4 x 31,7	
69	10897	64 x 98,4		91	3809	74 x 70		113	5058	15,9 x 70	
70	10898	92 x 108,9		92	3901	42 x 40		114	5126	21,7 x 31,9	
71	8951	21,5 x 50,8		93	3901A	42 x 40		115	5129	21,8 x 30	
72	8952	21,5 x 75,6		94	3901B	32 x 40		116	5130	8,1 x 26	
73	8954	25 x 42,7		95	3902	40 x 52,5		117	6601	32 x 63,5	
74	8954A	25 x 48,2		96	3902A	50 x 52,5		118	6602	32 x 42,5	
75	8955	18 x 37		97	3903	40 x 44,5		119	6603	28,5 x 76	
76	8957	32,7 x 40		98	3905	38,4 x 19,05		120	6604	32 x 37,7	
77	8959	40 x 50,7		99	3906	22,5 x 16		121	6605	18 x 43,6	
78	8970	16 x 35		100	3909	45 x 45		122	6606	36,4 x 43	
79	3801	38,5 x 39,5		101	3910	24,7 x 80		123	6607	25,25 x 70	
80	3801A	15 x 44		102	3911	49,7 x 39,5		124	6608	29 x 51	
81	3802	38,5 x 66,5		103	D5051	31,7 x 70		125	6609	25,25 x 35	
82	3803	38,5 x 48		104	5051A	54,6 x 70		126	7001	47 x 70	
83	3803A	38,5 x 68		105	D5052	34,2 x 70		127	7002	42 x 70	
84	3804	30 x 70		106	5052A	57,2 x 70		128	7004	44,4 x 76	
85	3804A	38,5 x 66,5		107	D5053	22,1 x 72,8		129	7005	50 x 70	
86	3804B	52 x 70		108	D5053A	25 x 67		130	7006	54 x 70	
87	3805	22,5 x 38,5		109	D5054	21,9 x 25,4		131	7011	57,4 x 76,2	
88	3806	15 x 19,6		110	D5055	21,9 x 54		132	7012	41,4 x 76,2	

DANH MỤC SẢN PHẨM THANH ĐỊNH HÌNH NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM, NHÃN HIỆU TUNG KUANG,
ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP VỚI QUY CHUẨN QCVN 16:2019/BXD
(Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 32-14(TK01-2020), cấp ngày 17/09/2020)

STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm
133	7013	25,4 x 76,2		155	7260	28 x 40		177	7622A	34,2 x 76	
134	7019	41,4 x 76,2		156	7280	10 x 40,5		178	7623	22 x 79,4	
135	7020	25,4 x 76,2		157	7281	12,4 x 32		179	7624	34,6 x 46	
136	7051	25,4 x 75		158	7282	10 x 46,5		180	7626	26,5 x 35,6	
137	7052	30 x 50		159	7601S	38 x 76,2		181	7630	30 x 3,54	
138	7053	64 x 35,6		160	7602S	38 x 76,2		182	7631	50 x 7	
139	7054	25,4 x 100		161	7603	18 x 32,1		183	7650	8,12 x 34	
140	7201	35 x 76		162	7604S	38 x 76,2		184	T7601	38 x 76,2	
141	7202	60 x 75		163	7605	16 x 76,2		185	T7602	38 x 76,2	
142	7203	70 x 100		164	7605S	16,4 x 55,8		186	T7604	38 x 76,2	
143	7204	30 x 70		165	7606S	38 x 76,2		187	T7606	38 x 76,2	
144	7205	30 x 70		166	7607S	16,4 x 55,8		188	T7608	38 x 76,2	
145	7206	15,7 x 70		167	7608S	50 x 76,2		189	T7651	32 x 100	
146	7207	40 x 70		168	7609	6,2 x 76,2		190	T7652	34 x 60	
147	7208	46 x 70		169	7609S	4,4 x 55,8		191	T7653	34 x 73	
148	7251	20 x 42		170	7611	12,8 x 16		192	T7654	30 x 110	
149	7252	20 x 50		171	7612	12 x 28,1		193	7655	28 x 60	
150	7253	20 x 82		172	7612A	18 x 26,8		194	7656	39,4 x 40	
151	7254	22 x 40		173	76015	32 x 76,2		195	8001	45 x 80	
152	7255	18 x 35		174	76016	35 x 76,2		196	8002B	65 x 92	
153	7257	28,7 x 40		175	76017	22 x 76,2		197	8003	35 x 80	
154	7259	40 x 52		176	7621	35 x 76		198	8005	34 x 80	

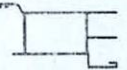
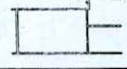
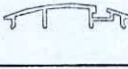
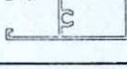
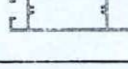
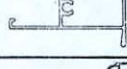
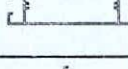
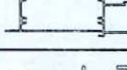
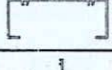
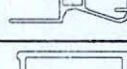
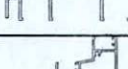
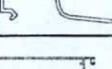
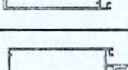
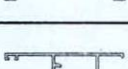
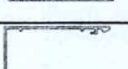
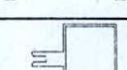
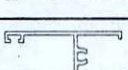
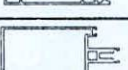
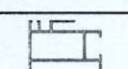
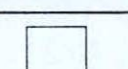
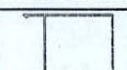
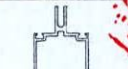
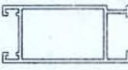
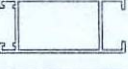
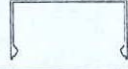
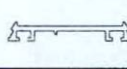
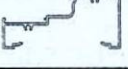
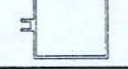
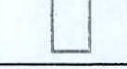
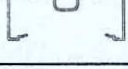
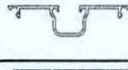
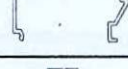
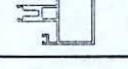
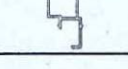
DANH MỤC SẢN PHẨM THANH ĐỊNH HÌNH NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM, NHÃN HIỆU TUNG KUANG,
ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP VỚI QUY CHUẨN QCVN 16:2019/BXD
(Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 32-14(TK01-2020), cấp ngày 17/09/2020)

STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm
199	8006	25 x 80		221	8282	14,7 x 20		243	DK010	10,5 x 14,85	
200	8007	47 x 80		222	8284	41,2 x 78,5		244	S087	30 x 100	
201	8008	59 x 80		223	8801	44 x 88		245	S088	30 x 100	
202	8009	76 x 80		224	8802	64,1 x 88		246	2840	38,65 x 79,9	
203	8011	80 x 100		225	8804	35 x 89,5		247	3242	16,2 x 19,4	
204	8051	29,3 x 40		226	8807	42 x 88		248	3243	17,7 x 35,4	
205	8052	29,3 x 50		227	8884	62 x 88		249	3244	40 x 53	
206	8054	23,5 x 40		228	8901	40 x 89		250	3245	25,9 x 32,7	
207	8056	39,5 x 40		229	8902	65 x 89		251	3246	15 x 38	
208	8101	33 x 80		230	8904	35 x 80		252	3247	14,1 x 10,59	
209	8102	25 x 80		231	8908	74,8 x 89		253	4201	15 x 45	
210	8103	25 x 80		232	8919	29,9 x 78,5		254	4203	26 x 36	
211	8152	24 x 50		233	8951	21,5 x 50,8		255	4204	20 x 40	
212	8152A	24 x 90		234	8952	21,5 x 75,6		256	4210	9,5 x 40	
213	8155	28 x 55		235	8954	25 x 42,7		257	4214T	71,7 x 83,6	
214	8156	38 x 55		236	8954A	25 x 48,2		258	4215T	91 x 77	
215	8201	44 x 89,5		237	8955	18 x 36,9		259	4220	50 x 50	
216	8202	64 x 89,5		238	8957	32,7 x 40		260	4221	6,5 x 107,5	
217	8204	39 x 80		239	8959	40 x 50,2		261	4221A	4,1 x 38,1	
218	8207	42 x 78,5		240	8970	16 x 35		262	4223	9,4 x 104	
219	8257	45 x 29,2		241	DK008	44,5 x 101,6		263	4226	13 x 175	
220	8259	45 x 50,8		242	DK009	15,9 x 32,58		264	4230	49,4 x 80,2	

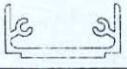
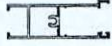
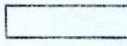
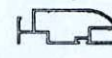
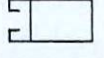
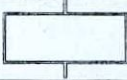
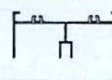
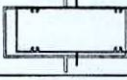
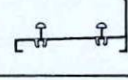
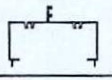
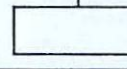
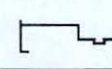
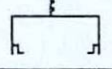
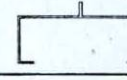
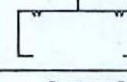
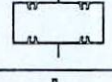
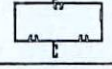
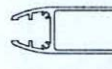
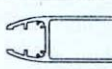
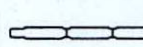
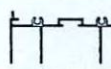
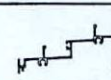
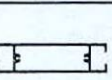
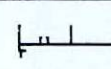
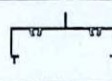
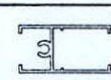
DANH MỤC SẢN PHẨM THANH ĐỊNH HÌNH NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM, NHÃN HIỆU TUNG KUANG,
ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP VỚI QUY CHUẨN QCVN 16:2019/BXD
 (Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 32-14(TK01-2020), cấp ngày 17/09/2020)

STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm
265	4233	20,2 x 92,4		287	6103	25,4 x 50,8		309	GC015	15,2 x 40	
266	4234T	92,5 x 112,56		288	6104	80 x 80		310	GC016	36 x 37,1	
267	4245	68,3 x 84,5		289	6106	25,3 x 37,9		311	GC017	14 x 45	
268	4260	86,2 x 90,87		290	6107	76 x 76		312	GC018	53 x 53	
269	4330	10 x 107,6		291	6109	38 x 50		313	GC019	7 x 48	
270	4332A	9,8 x 103		292	6110	38 x 76		314	GC020	53 x 53	
271	4406	14,2 x 32,5		293	6138	38 x 38		315	GC021	31,5 x 35,6	
272	4407	12,7 x 14,2		294	6139	26,6 x 39		316	GC022	30 x 105	
273	4408	14,3 x 29,8		295	GC001	24,6 x 48,3		317	GC032	11 x 40,2	
274	4409	14,4 x 14,4		296	GC002	15 x 49,4		318	GC033	26,5 x 39,2	
275	9841	14,8 x 24,75		297	GC003	80 x 100		319	GC042	21,5 x 150,9	
276	9842	12,5 x 13,8		298	GC004	80 x 160		320	GC043	45 x 100	
277	9899	11,45 x 25		299	GC005	20,97 x 73		321	GC044	50 x 100	
278	6001	9,5 x 9,5		300	GC006	90 x 112		322	GC045	75 x 100	
279	6001T	7 x 8,5		301	GC007	96 x 50		323	GC046	50 x 100	
280	6002	12,7 x 12,7		302	GC008	43,9 x 17,8		324	GC047	26 x 29	
281	6003	12,7 x 38,1		303	GC009	50 x 100		325	GC048	106,8 x 51,8	
282	6004	9 x 126,5		304	GC010	60 x 60		326	GC049	100 x 45	
283	6051	10 x 50,8		305	GC011	12,11 x 14,85		327	GC050	100 x 76	
284	6076	10 x 76,2		306	GC012	26,77 x 40		328	GC051	100 x 50	
285	6101	25,4 x 25,4		307	GC013	45 x 101,6		329	GC052	100 x 55	
286	6102	25,4 x 38,1		308	GC014	35,2 x 92,5		330	GC053	100 x 56	

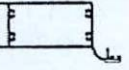
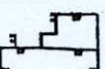
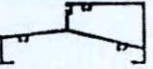
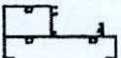
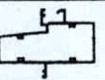
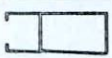
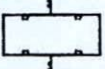
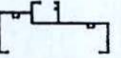
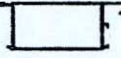
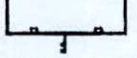
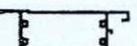
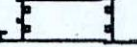
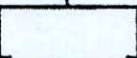
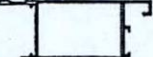
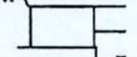
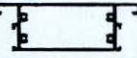
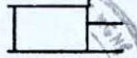
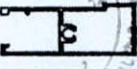
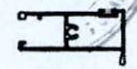
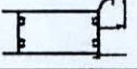
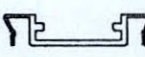
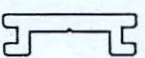
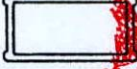
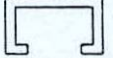
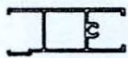
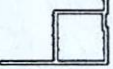
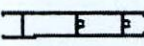
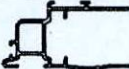
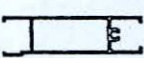
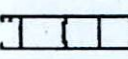
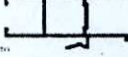
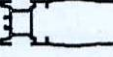
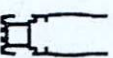
DANH MỤC SẢN PHẨM THANH ĐỊNH HÌNH NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM, NHÃN HIỆU TUNG KUANG,
ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP VỚI QUY CHUẨN QCVN 16:2019/BXD
(Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 32-14(TK01-2020), cấp ngày 17/09/2020)

STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm
331	GC054	115 x 61,6		353	AV019	114 x 63		375	KH029	80,2 x 42	
332	GC055	95 x 53		354	AV020	128 x 63		376	KH030	42 x 7,8	
333	GC056	19 x 46		355	AV021	80 x 58		377	KH031	115,2 x 38	
334	GC057	46 x 26		356	KH012	57 x 38		378	KH032	130,4 x 38	
335	GC058	106 x 55,8		357	KH013	57 x 40		379	KH034	101,6 x 60,8	
336	GC059	39 x 15,5		358	KH014	18,6 x 14,8		380	KH035	101,6 x 83,6	
337	GC060	20 x 10,2		359	KH015	89 x 40		381	KH036	41,3 x 22,8	
338	GC061	24,5 x 19		360	KH016	89 x 60		382	KH076	170 x 56	
339	GC062	16 x 13		361	KH017	80 x 30		383	KH077	170 x 56	
340	GC063	100 x 45		362	KH018	75,6 x 22		384	KH078	90,2 x 55	
341	GC064	82 x 63		363	KH019	50,8 x 22		385	KH083	124 x 56	
342	GC065	121 x 63		364	KH020	55 x 52,4		386	KH154	100 x 100	
343	GC066	100 x 63,5		365	KH020A	55 x 41		387	DK039	50 x 50	
344	GC067	53 x 67		366	KH021	32 x 55		388	DK040	100 x 50	
345	GC068	45 x 64		367	KH022	20 x 37		389	DK095	63,5 x 50	
346	AV011	75 x 63		368	KH023	24 x 55		390	DK096	48,4 x 8,8	
347	AV012	63,5 x 25,2		369	KH023A	24 x 55		391	DK097	50 x 25,4	
348	AV013	61,2 x 9,5		370	KH024	101,6 x 44,5		392	DK104	82 x 60	
349	AV014	113 x 63		371	KH025	101,6 x 44,5		393	DK105	67 x 60	
350	AV015	63 x 47,9		372	KH026	81,6 x 19		394	DK120	114,3 x 50	
351	AV016	37 x 32		373	KH027	43,9 x 22,3		395	DK121	73 x 56	
352	AV017	107,4 x 107,4		374	KH028	21,5 x 39,3		396	DK122	69 x 56	

DANH MỤC SẢN PHẨM THANH ĐỊNH HÌNH NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM, NHÃN HIỆU TUNG KUANG,
ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP VỚI QUY CHUẨN QCVN 16:2019/BXD
(Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 32-14(TK01-2020), cấp ngày 17/09/2020)

STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm
397	DK123	51,2 x 22,8		419	N5025	55 x 18		441	N6125	25 x 25	
398	DK124	55,4 x 22		420	N5026	30 x 29		442	N6201	12,7 x 12,7	
399	DK147	53,22 x 36,3		421	N5026A	45 x 29		443	N6202	19,1 x 19,1	
400	DK148	45,7 x 65,3		422	N5027	30 x 22		444	N6203	25,4 x 25,4	
401	DK167	100 x 25		423	N5028	38 x 13		445	N6601	63,5 x 32	
402	N1001	101,6 x 69,9		424	N5051	70 x 31,7		446	N6602	42,5 x 32	
403	N1001A	101,6 x 69,9		425	N5052	70 x 34,2		447	N7001	70 x 47	
404	N1002	101,6 x 57,2		426	N5053	72,8 x 22,1		448	N7002	70 x 42	
405	N1009	101,6 x 57,2		427	N5054	25,4 x 21,9		449	N7004	76 x 44,4	
406	N1009A	101,6 x 57,2		428	N5055	54 x 21,9		450	N7005	70 x 50	
407	N1051	44,5 x 44,5		429	N5056	34,9 x 28,5		451	N7006	70 x 54	
408	N1052	50,8 x 44,5		430	N5057	31,7 x 25,4		452	N7008	70 x 50	
409	N2840	38,5 x 80		431	N5110	75,6 x 20		453	N7011	76,2 x 57,4	
410	N2840A	38,5 x 80		432	N5126	31,9 x 21,7		454	N7012	76,2 x 41,4	
411	N4221	107,5 x 6,5		433	N6001	9,5 x 9,5		455	N7013	76,2 x 25,4	
412	N4223	104 x 9,4		434	N6002	12,7 x 12,7		456	N7019	76,2 x 41,4	
413	N4332A	102 x 9,8		435	N6102	38 x 25		457	N7051	75 x 25,4	
414	N5021	70 x 30		436	N6103	50 x 25		458	N7052	50 x 30	
415	N5022	70 x 35		437	N6105	20 x 12		459	N7053	64,4 x 36	
416	N5022A	70 x 45		438	N6108	25 x 12		460	N7054	100 x 25,4	
417	N5023	70 x 22		439	N6109	50 x 38		461	N7109	70 x 32,6	
418	N5024	40 x 18		440	N6110	76 x 38		462	N9742	21 x 14	

DANH MỤC SẢN PHẨM THANH ĐỊNH HÌNH NHÔM VÀ HỢP KIM NHÔM, NHÃN HIỆU TUNG KUANG,
ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP VỚI QUY CHUẨN QCVN 16:2019/BXD
(Ban hành kèm theo giấy chứng nhận số 32-14(TK01-2020), cấp ngày 17/09/2020)

STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm	STT	Mã sản phẩm	Kích thước (W x H mm)	Mặt cắt sản phẩm
463	N9744	130 x 16		485	10959	70,6 x 68,54		507	GC048	106,8 x 51,8	
464	N9751A	27,5 x 27,5		486	10701	100 x 62		508	GC049	100 x 45	
465	N9753	25,8 x 14		487	10702	100 x 51		509	GC050	100 x 60	
466	N9753A	27,5 x 14		488	10703	100 x 102		510	GC050A	100 x 77	
467	N9754	25,8 x 14,8		489	10704	100 x 68		511	GC051	100 x 50	
468	N9754A	33,7 x 14,55		490	10721	111 x 43,5		512	GC051A	100 x 56	
469	N9755	28,7 x 28,7		491	10722	123,5 x 43,5		513	GC052	100 x 55	
470	N9759	28 x 28		492	10722A	123,5 x 43,5		514	GC053	100 x 56	
471	N9759A	28 x 28		493	10723	113 x 43,5		515	GC054	115 x 61,6	
472	N9760	27,8 x 27,8		494	10724	120 x 40		516	GC055	95 x 53	
473	N9888	80 x 70		495	10731	20,91 x 20		517	GC056	46 x 19	
474	N9889	60 x 30		496	10731A	20,91 x 19,96		518	GC057	46 x 26	
475	N9891	74 x 12,7		497	10732	44,9 x 27,68		519	GC058	106,8 x 55,8	
476	10902	98 x 75		498	10733	38,8 x 8,7		520	GC059	39 x 15,5	
477	10902A	100 x 125		499	10734	21,6 x 6,8		521	GC060	20 x 10,2	
478	10908	100 x 125		500	10735	24,5 x 15		522	GC061	24,5 x 19	
479	10951	50 x 20,6		501	8681	28 x 18		523	GC062	13 x 16	
480	10952	70 x 20,6		502	8682	48 x 26,7		524	GC063	100 x 45	
481	10953	103 x 20,6		503	8683	28 x 23					
482	10954	82,4 x 22,2		504	8684	28 x 26					
483	10957	70 x 28		505	8685	58 x 25,39					
484	10958	100 x 100		506	8686	59,8 x 25,4					

————— Kết thúc —————



Số: 2072/QĐ-KT3

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 09 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp chứng nhận sản phẩm

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Căn cứ Quyết định số 684/QĐ-TĐC ngày 22/04/2019 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TCĐLCL) về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (Trung tâm Kỹ thuật 3);

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012;

Căn cứ Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 16:2019/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1124/QĐ-BXD ngày 24/8/2020 của Bộ Xây dựng về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm / chứng nhận;

Căn cứ Quyết định số 0796/QĐ-KT3 ngày 22/06/2020 của Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật 3 quy định nội dung và thủ tục đánh giá chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật tại nơi sản xuất;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Chứng nhận sản phẩm và Hệ thống,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận hợp quy số 32-14 (TK01-2020) cho sản phẩm Thanh định hình nhôm và hợp kim nhôm, nhãn hiệu: TUNGKUANG, loại hợp kim nhôm 6063, chế độ nhiệt luyện T5, 524 mặt cắt sản phẩm (được nêu chi tiết trong danh mục sản phẩm kèm theo giấy chứng nhận), do Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang sản xuất phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD.

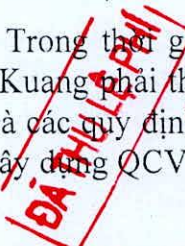
Điều 2. Giấy chứng nhận có hiệu lực từ ngày 17/09/2020 đến ngày 16/09/2023.

Điều 3. Sau khi được cấp chứng nhận hợp quy, Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang phải đăng ký công bố hợp quy sản phẩm được cấp chứng nhận nêu tại điều 1 tại Sở Xây Dựng địa phương.

Điều 4. Trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận hợp quy Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang phải thực hiện đúng các quy định về quyền và trách nhiệm của cơ sở được chứng nhận và các quy định có liên quan trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng QCVN 16:2019/BXD.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT, N7.



ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

2227-10-2020



HỒ CHỦ TỊCH
Lê Thị Hoa



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Hùng

**BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

BẢN SAO

Mã số dự án: 7678612880

Chứng nhận lần đầu: ngày 05 tháng 4 năm 1995

Chứng nhận thay đổi lần thứ chín: ngày 13 tháng 9 năm 2019

Chứng nhận thay đổi lần thứ mười: ngày 25 tháng 9 năm 2019

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 204/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600254361, thay đổi lần thứ ba ngày 26 tháng 8 năm 2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp cho CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7678612880 ngày 13 tháng 9 năm 2019 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp cho CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG;

Xét bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG đăng ký ngày 19 tháng 9 năm 2019,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Chúng nhận:

Dự án đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7678612880 ngày 13 tháng 9 năm 2019 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

Được đăng ký: Điều chỉnh thông tin Nhà đầu tư.

Các Nhà đầu tư:

1. CÔNG TY RICH INTERNATIONAL HOLDING L.L.C; Giấy chứng nhận thành lập số IFSC/200/LLC 703/19, cấp ngày 01 tháng 02 năm 2019 tại Belize, trụ sở đặt tại: GenPro Consulting (Belize) Limited of 60 Market Square, Belize City, Belize.

Đại diện bởi: Ông LIU, CHENG-MIN, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1947, quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan), hộ chiếu số: 301807632, cấp ngày 13 tháng 8 năm 2010; thường trú tại 21/6 đường Đại Vĩ, thành phố Đại Lý, Đài Trung, Đài Loan.

2. Ông TSAN, HSUN-LIN; sinh ngày 25 tháng 9 năm 1958, quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan), hộ chiếu số: 301958753, cấp ngày 03 tháng 9 năm 2010; thường trú tại 218 đường Trung Sơn, huyện Chương Hóa, Đài Trung, Đài Loan.

3. Ông JAN CHUN SHION; sinh ngày 06 tháng 5 năm 1942, quốc tịch Hoa Kỳ, hộ chiếu số: 315366758, cấp ngày 28 tháng 8 năm 2017; thường trú tại 395-8 đường Đại Minh, thành phố Đại Lý, Đài Trung, Đài Loan.

4. Ông LIU, CHIEN-HUNG; sinh ngày 22 tháng 7 năm 1973, quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), hộ chiếu số: 303771203, cấp ngày 17 tháng 10 năm 2011; thường trú tại 21/6 đường Đại Vĩ, thành phố Đại Lý, Đài Trung, Đài Loan.

5. Bà HSU SHU HUI; sinh ngày 18 tháng 4 năm 1967, quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), hộ chiếu số: 308283021, cấp ngày 07 tháng 11 năm 2013; thường trú tại 205 đường Dân Tộc, huyện Chương Hóa, Đài Trung, Đài Loan.

6. Ông LIU, CHIEN-LIN; sinh ngày 16 tháng 10 năm 1974, quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), hộ chiếu số: 305133603, cấp ngày 03 tháng 02 năm 2012 Trung Quốc (Đài Loan); thường trú tại: 21/6 đường Đại Vĩ, thành phố Đại Lý, Đài Trung, Đài Loan.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600254361, thay đổi lần thứ ba ngày 26 tháng 8 năm

2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp; trụ sở chính đặt tại: Số 3, đường 2A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**

2. Mục tiêu và quy mô dự án:

- Sản xuất các sản phẩm nhôm ở dạng thanh, ống, lá, lưới, dây và thực hiện các dịch vụ thiết kế, sửa chữa, lắp ráp các sản phẩm bằng nhôm với quy mô 30.000 tấn/năm;

- Sản xuất các phụ kiện để phục vụ lắp đặt các sản phẩm bằng nhôm (gioăng cao su, bánh xe trượt bằng nhựa, tay nắm khóa, bản lề cửa) với quy mô 10.000 cái/năm;

- Các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực y tế (gậy nhôm cho người tàn tật, xe lăn, giường bệnh viện, tủ thuốc); các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực thể dục thể thao (xe tập thể dục đa năng, xe đạp nhôm, vợt tennis và các thiết bị khác); xử lý bề mặt các sản phẩm bằng kim loại nhôm (sơn tĩnh điện) với quy mô 15.000 cái/năm;

- Sản xuất nhôm tấm và nhôm phức hợp dùng trong lĩnh vực xây dựng với quy mô 20.000 tấn/năm.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Số 3, đường 2A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Diện tích đất sử dụng: 22.000 m².

4. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 322.879.650.000 (ba trăm hai mươi hai tỷ, tám trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng Việt Nam; tiến độ góp vốn: đã góp đủ.

5. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 1995.

6. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Bắt đầu sản xuất kinh doanh từ tháng 7 năm 1997.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

a) Căn cứ pháp lý và đối tượng, điều kiện hưởng ưu đãi:

- Căn cứ pháp lý: Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000, Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003, Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2004, Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007, Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12

năm 2008 và Nghị định số 128/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: dự án sản xuất công nghiệp trong khu công nghiệp.

b) Thuế suất phổ thông:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28% (hai mươi tám phần trăm) áp dụng trước thời điểm 31/12/2008;

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% (hai mươi lăm phần trăm) áp dụng từ thời điểm 01/01/2009 đến 31/12/2013;

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% (hai mươi hai phần trăm) áp dụng từ thời điểm 01/01/2014 đến 31/12/2015;

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% (hai mươi phần trăm) áp dụng từ thời điểm 01/01/2016.

c) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Đối với sản xuất các sản phẩm nhôm ở dạng thanh, ống, lá, lưới, dây và thực hiện các dịch vụ thiết kế, sửa chữa, lắp ráp các sản phẩm bằng nhôm; sản xuất các phụ kiện để phục vụ lắp đặt các sản phẩm bằng nhôm (gioăng cao su, bánh xe trượt bằng nhựa, tay nắm khóa, bản lề cửa); các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực y tế (gậy nhôm cho người tàn tật, xe lăn, giường bệnh viện, tủ thuốc); các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực thể dục thể thao (xe tập thể dục đa năng, xe đạp nhôm, vợt tennis và các thiết bị khác); xử lý bề mặt các sản phẩm bằng kim loại nhôm (sơn tĩnh điện):

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% (mười lăm phần trăm) thu nhập chịu thuế được tính đến hết ngày 05 tháng 4 năm 2045; sau thời hạn nêu trên, thực hiện theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Việc xác định thời gian miễn thuế thu nhập doanh nghiệp nêu trên được tính chung cho cả thời gian hoạt động trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần.

- Đối với mục tiêu sản xuất nhôm tấm và nhôm phức hợp dùng trong lĩnh vực xây dựng:

Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ.

2. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật liên quan trong quá trình triển khai dự án.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7678612880 ngày 13 tháng 9 năm 2019 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc, 01 (một) bản cấp cho CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.

ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 010768 quyền 06-SCT/BS

ngày: 04-06-2020

CÔNG CHỨNG VIÊN



Phạm Sang



TRƯỞNG BAN

Cao Tiến Sỹ